

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ
NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

PHẦN I: CHUẨN URA CÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Vị trí và ngành chuyên môn

1.1. Vị trí

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế có thể áp dụng quy trình công việc thực tế; tích lũy kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực đào tạo phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và báo cáo môi trường liên quan đến lĩnh vực đào tạo; và có kiến thức cơ bản và ngành chuyên môn như sau:

1.1.1 Kiến thức chung

- Vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đường lối Chính trị và chính sách của Đảng và Nhà nước vào nghiên cứu và thực tiễn;

- Có trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng, khai thác tối đa dịch vụ trên Internet. Khai thác các kiến thức cơ bản của quản trị hệ thống dữ liệu quan hệ, các kỹ năng sử dụng máy tính quản trị dữ liệu;

- Hiểu các nội dung cơ bản về công tác quản phòng-an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử hiện tại;

- Vận dụng các môn thể thao cơ bản và thể thao rèn luyện sức khỏe.

1.1.2 Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo, đặc biệt có kiến thức nâng cao và chuyên sâu hơn về kinh tế lượng so với sinh viên tốt nghiệp CTĐT chuẩn (thực hiện các tính toán chi phí nội bộ, ứng dụng vào thực tiễn nội bộ thông qua các bài tập tình huống);

- Xây dựng và phân tích các bài toán kinh tế ngắn hạn và nâng cao;

- Sử dụng các phương pháp thống kê cơ bản và nâng cao.

1.1.3 Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng các kiến thức cơ bản chung về nhà nước và pháp luật vào ngành hoạt động kinh tế;
- Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghiên cứu;
- Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê;
- Áp dụng phương pháp phân tích hệ thống, vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế;
- Xây dựng và lựa chọn các phương pháp quản lý nhóm làm việc hiệu quả.

1.1.4 Kiến thức theo nhóm ngành

- Vận dụng các kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao về luật kinh tế và kinh doanh vào ngành hoạt động kinh tế;
- Vận dụng phương pháp nghiên cứu kinh tế cơ bản và nâng cao, bao gồm thu thập, xử lý thông tin và tổng hợp số liệu, dữ liệu;
- Vận dụng các nguyên lý cơ bản và lý thuyết tiền tệ, hoạt động của hệ thống ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng trong môi trường gia và quốc tế, nắm vững các phương pháp phân tích thị trường, hình thành tư duy thực tiễn và vận dụng kiến thức vào thực tiễn có hiệu quả môi trường trong nước và quốc tế thông qua việc học và nghiên cứu bằng tiếng Anh;
- Hiểu các nguyên lý cơ bản và kỹ thuật giải quyết các bài tập cơ bản mà còn có khả năng vận dụng kiến thức nâng cao vào việc xử lý bài tập tình huống thực tiễn, phân tích, mô tả và lập các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp; Vận dụng các nguyên tắc kế toán vào hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế hoạt động môi trường trong nước và quốc tế thông qua việc học và nghiên cứu bằng tiếng Anh;
- Vận dụng các nguyên lý cơ bản và kiến thức nâng cao về marketing trong quá trình xúc tiến khách hàng, tìm kiếm thị trường tiềm năng cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế.

1.1.5 Kiến thức ngành

- Hiểu, phân tích, dự đoán và đánh giá các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng;

- Hiểu, phân tích, ứng dụng kiến thức ngành tài chính-ngân hàng hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng;

- Ứng dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng hình ảnh nhanh với môi trường công việc trong tương lai;

- Có khả năng nghiên cứu và tiếp cận các tài liệu bổ trợ và tham khảo thực tiễn, hỗ trợ thực tập và nghiên cứu, thực tập các bậc cao hơn từ các cơ sở giáo dục quốc tế trong nước và nước ngoài.

1.2 Năng lực thực và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt và chuyên môn, nghiệp vụ sẵn sàng chào đón; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao; có khả năng tinh thần, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; thực tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng giao tiếp, kết luận và các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thạo và mặt sự vụ phức tạp và mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cộng tác với các hoạt động chuyên môn quy mô trung bình.

2. Kiến thức

2.1. Kiến thức chuyên môn

2.1.1 Các kiến thức nghiệp vụ

- Có kiến thức hoàn thành công việc thực tập đòi hỏi về kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành sẵn sàng chào đón trong những bối cảnh khác nhau; có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để quy trình và thực tế hay thực tiễn trong lĩnh vực sẵn sàng chào đón; có năng lực dẫn dắt chuyên môn xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có năng lực về kiến thức và kỹ năng mặt cách sáng tạo, sáng tạo ứng dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh tài chính-ngân hàng; có cách tiếp cận sáng tạo và phát triển nghiệp vụ;

2.1.2 Kiến thức chuyên sâu và kỹ năng quy trình

- Có khả năng chuyên sâu, phân tích nâng cao và chuyên sâu các vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng, bao gồm phân tích, đánh giá các xu hướng quốc tế hóa hoạt động ngân hàng và thực tiễn tài chính, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thế giới và các tổ chức tín dụng Việt Nam, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hoạt động các dịch vụ ngân hàng và thực tiễn các sản phẩm, và những vấn đề kinh tế trong kinh doanh ngân hàng như chi phí, thẩm quyền khách hàng mang tính

c n tr ng, ho t ng mua l i và s p nh p ng n h ng t i an to n và l n h m nh tài chính trên c s p d ng hi u qu c c th ng l ti n t i n c a th gi i, t o ngu n v n u t cho khu v c doanh nghi p, qu n lý tài chính trong doanh nghi p v.v... và a ra nh ng h ng gi i quy t c th vào c c tình hu ng kh p c t p và a d ng c a th c t i n.

2.1.3. *Kh n ng nghi n c u và kh m phá ki n th c*

- C k n ng nghi n c u, p h i n và gi i quy t v n trong l nh v c tài chính-ng n h ng nh : nghi n c u, d báo s v n ng c a ho t ng ng n h ng và th tr ng tài chính, t i m l c tài chính và kh n ng qu n lý tài chính c a khu v c doanh nghi p trong t ng lai và t c ng c a s p h t r i n ó t i h th ng tài chính n i ri ng và n n kinh t qu c dân n i chung v.v....

2.1.4. *Kh n ng t duy theo h th ng*

- C kh n ng l p lu n, t duy m t cách sáng t o theo h th ng, nghi n c u và gi i quy t c c v n c th trong l nh v c tài chính-ng n h ng.

2.1.5. *B i c nh xã h i và ngo i c nh*

- C th nh n th c c b i c nh xã h i, ngo i c nh p d ng vào c c ho t ng trong l nh v c tài chính-ng n h ng.

2.1.6. *B i c nh t ch c*

- C th nh n th c c b i c nh xã h i, ngo i c nh và b i c nh t ch c p d ng vào c c ho t ng trong l nh v c tài chính-ng n h ng.

2.1.7. *N ng l c v n d ng ki n th c, k n ng vào th c t i n*

- C n ng l c v n d ng ki n th c, k n ng m t cách sáng t o vào th c t i n; ti n phong và nhanh nh n h n sinh viên CT T chu n trong quá trình hình thành n ng l c p h t r i n ngh nghi p.

2.1.8. *N ng l c sáng t o, p h t r i n và d n d t s thay i trong ngh nghi p*

- C nh ng sáng t o và p ng nhanh yêu c u c a th c t i n trong quá trình th c hi n công vi c c th , tích l y kinh nghi m c th m ng nh ng công vi c nh ng v trí kh c nhau trong t ch c.

2.2. *K n ng b tr*

2.2.1. *Các k n ng cá nh n*

- C kh n ng làm vi c c l p; t h c h i và tìm t i, c k n ng qu n lý th i gian, qu n lý công vi c c a b n thân.

2.2.1. *Làm vi c theo nh m*

- Có kỹ năng hình thành, vận hành, phát triển nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.2. *Quyên lý và lãnh đạo*

- Có kỹ năng lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả.

2.2.3. *Kỹ năng giao tiếp*

- Có kỹ năng giao tiếp tốt, bao gồm có kỹ năng thuyết trình và chuyên giao kỹ năng thể dục thể thao nói và vận động; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail; và kỹ năng đàm phán.

2.2.5. *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành mức có thể hiểu các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chuyên ngành thu được trong công việc liên quan ngành công nghiệp; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết các báo cáo có nội dung ngắn gọn, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.2.6 *Kỹ năng khác*

- Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...), có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

3. *Vấn phẩm chất*

3.1. *Phẩm chất cá nhân*

- Có phẩm chất cá nhân như: Tin tưởng, linh hoạt, nghiêm túc, trách nhiệm, nhiệt tình, có tinh thần tôn trọng và ý thức các phẩm chất cần phải có của sinh viên chất lượng cao v.v...

3.2. *Phẩm chất nghề nghiệp*

- Có các phẩm chất nghề nghiệp như: Say mê nghiên cứu, khám phá kỹ năng và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.

3.3. *Phẩm chất xã hội*

- Có các phẩm chất xã hội như: Tôn trọng pháp luật, làm việc vì lợi ích chung, có lối sống tích cực và có tinh thần học hỏi và nâng cao.

3.4. *Những yêu cầu công tác sinh viên có thể làm nhiệm vụ sau khi tốt nghiệp*

Vì những kỹ năng cơ bản và nâng cao về chuyên ngành công nghiệp, sau khi tốt nghiệp, các nhân viên tốt nghiệp có thể tham gia vào công việc chuyên nghiệp

Chỉ huy ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Chỉ huy Kinh tế, HQGHN có thể mạnh mẽ công nghệ và trí tuệ công nghệ sau:

- **Nhóm 1:** Các chuyên viên tài chính, cán bộ tín dụng, cán bộ phân tích tài chính và có thể cân nhắc làm trọng nhóm làm việc tại các ngân hàng, các doanh nghiệp, công ty kế toán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các nhà chức trách tài chính khác trong và ngoài nước; có năng lực phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- **Nhóm 2:** Cán bộ chuyên viên tài chính ngân hàng tại các cơ quan quản lý Nhà nước như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Ủy ban kế toán Nhà nước, Vụ chính sách tài chính trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ và các Ban ngành khác; có năng lực phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- **Nhóm 3:** Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có năng lực phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

4. Khẩn trương học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Vì những kiến thức cơ bản và chuyên sâu tích lũy trong quá trình học, công nhân tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ chỉ huy ngành Tài chính - Ngân hàng có kiến thức, tư duy và tiếp cận nhanh nhạy tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cần thiết mà mới sinh viên mới nhận được việc thực tiễn.

Vì kiến thức và phạm vi tiếp xúc trao đổi trong quá trình đào tạo tại Nhà trường, công nhân tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ chỉ huy ngành Tài chính - Ngân hàng tiếp tục trao đổi thêm kiến thức môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ doanh nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà sinh viên theo đuổi.

PHẦN II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	150 tín chỉ
- Khí kiến thức chung:	32 tín chỉ
<i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và Kỹ năng bắt buộc)</i>	
- Khí kiến thức theo lĩnh vực:	10 tín chỉ
- Khí kiến thức theo khối ngành:	18 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	16 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	2/8 tín chỉ
- Khí kiến thức theo nhóm ngành:	21 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	15 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	6/12 tín chỉ
- Khí kiến thức ngành:	69 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	36 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	18/51 tín chỉ
+ Thực tập thực tế và niên luận:	8 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế:	7 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khí kiến thức chung <i>(Không tính các học phần 10-12)</i>	32				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism-Leninism I</i>	2	24	6		
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 <i>Fundamental Principles of Marxism-Leninism 2</i>	3	36	9		PHI1004

3	POL1001	T t ng H Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		PHI1005
4	HIS1002	ng l i cách m ng c a ng c ng s n Vi t Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3	42	3		POL1001
5	INT1004	Tin h c c s 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28		
6	FLF2101	Ti ng Anh c s 1 <i>General English 1</i>	4	16	40	4	
7	FLF2102	Ti ng Anh c s 2 <i>General English 2</i>	5	20	50	5	FLF2101
8	FLF2103	Ti ng Anh c s 3 <i>General English 3</i>	5	20	50	5	FLF2102
9	FLF2104	Ti ng Anh c s 4 <i>General English 4</i>	5	20	50	5	FLF2103
10		Giáo d c th c h t <i>Physical Education</i>	4				
11		Giáo d c qu c phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
12	BSA2030	K n ng b tr <i>Soft Skills</i>	3				
II		Kh i ki n th c theo l nh v c	10				
13	MAT1092	Toán cao c p <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18		
14	MAT1101	Xác su t th ng kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18		MAT1092
15	MAT1005	Toán kinh t <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18		BSA1053
III		Kh i ki n th c theo kh i ngành	18				
III.1		Các h c ph n b t bu c	16				
16	THL1057	Nhà n c và pháp lu t i c ng <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	5	2	
17	INE1150	Kinh t vi mô** <i>Microeconomics</i>	4	40	16	4	
18	INE1151	Kinh t v mô** <i>Macroeconomics</i>	4	40	16	4	INE1150
19	BSA1053	Nguyên lý th ng kê kinh t <i>Principles of economic Statistics</i>	3	30	15		MAT1101
20	INE1152	Kinh t l ng <i>Econometrics</i>	3	40	16	4	INT1004 INE1151 BSA1053
III.2		Các h c ph n t ch n	2/8				
21	BSA1054	K n ng làm vi c theo nhóm <i>Team-work skills</i>	2	20	10		
22	HIS1055	L ch s v n minh th gi i <i>World civilization History</i>	2	22	7	1	

23	SOC1050	Xã hội học nhập môn <i>Introductory Sociology</i>	2	15	12	3	
24	PHI1051	Lógica học <i>Logics</i>	2	20	6	4	
IV		Kh i ki n th c theo nhóm ngành	21				
IV.1		Các h c ph n b t bu c	15				
25	BSL2050	Lu t kinh t <i>Business Law</i>	2	15	13	2	THL1057
26	INE1016	Ph ng pháp nghiên c u kinh t <i>Economic Research Methodology</i>	3	30	15		INE1151
27	FIB2101	Kinh t ti n t - ngân hàng** Monetary and Banking Economics	4	40	16	4	INE1151
28	BSA2001	Nguyên lý k toán* Principles in Accounting	3	27	18		
29	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>Principles Marketing</i>	3	21	23	1	
IV.2		Các h c ph n t ch n	6/12				
30	BSA4010	V n hóa và o c kinh doanh <i>Corporate Responsibility and</i> <i>Business Ethics</i>	3	35	10		
31	INE2020	Kinh t qu c t <i>International</i> <i>Economics</i>	3	32	13		INE1151
32	INE2003	Kinh t phát tri n <i>Development Economics</i>	3	29	16		INE1151
33	BSA2004	Qu n tr h c <i>Principles of Finance and</i> <i>Banking</i>	3	35	10		
V		Kh i ki n th c ngành	69				
V.1		Các h c ph n b t bu c	36				
34	FIB2003	Các th tr ng và nh ch tài chính Financial Markets and Institutions	3	20	25		FIB2101
35	BSA2033	Phân tích tài chính <i>Analysis of Finance</i>	3	24	21		BSA2018
36	FIB3004	Qu n lý ư t <i>Investment Management</i>	3	30	15		BSA2018
37	BSA2018	Tài chính doanh nghi p Corporate Finance	3	25	20		BSA2001
38	INE3003	Tài chính qu c t International Finance	3	27	15	3	INE 1151
39	FIB3111	Tài chính công <i>Public finance</i>	3	30	15		INE 1151
40	BSA3130	Th m nh tài chính d án <i>Financial Appraisal for Projects</i>	3	30	15		BSA2018
41	FIB2012	Pháp lu t tài chính ngân hàng <i>Legal documents and laws in</i> <i>finance and banking</i>	3	30	15		THL1057 BSA2018 FIB 2005

42	FIB2005	Quản trị ngân hàng thương mại <i>Commercial bank management</i>	3	30	15		FIB2101
43	FIB3024	Tín dụng ngân hàng <i>Bank credit</i>	3	30	15		FIB2005
44	FIB2035	Ngân hàng quốc tế <i>International banks</i>	3	30	15		FIB2101
45	FIB3011	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại hối *** <i>Treasury management</i>	3	30	15		FIB2005
V.2		Các học phần tích lũy	18/51				
46	FIB3113	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ <i>Central Bank and Monetary Policy</i>	3	30	15		FIB2101
47	FIB3112	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư <i>Investment banking</i>	3	30	15		FIB2005
48	FIB 3037	Kế toán ngân hàng thương mại <i>Accounting in banks</i>	3	30	15		BSA2001 FIB2101
49	BSA3029	Marketing ngân hàng <i>Marketing in Banks</i>	3	20	25		BSA2002
50	FIB3114	Tài chính cá nhân cơ bản <i>Basic Personal Finance</i>	3	30	15		
51	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Specialized Corporate Finance</i>	3	30	15		BSA2018
52	FIB3049	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính <i>Applied Quantitative Methods in Finance</i>	3	25	20		BSA2018
53	FIB3010	Đánh giá doanh nghiệp <i>Corporate Valuation</i>	3	30	15		FIB3004
54	FIB2036	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	30	15		FIB2003
55	INE3106	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	30	15		INE1151
56	INE 3023	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	30	15		INE1151
57	FIB2038	Tài chính mua bán và sáp nhập doanh nghiệp <i>The Finance of Buyouts and Acquisitions</i>	3	30	15		BSA2018
58	FIB2015	Thu <i>Tax</i>	3	30	15		INE1150
59	BSA3009	Kiểm toán cơ bản <i>Basic Accounting</i>	3	30	10	5	BSA2001
60	BSA2019	Kiểm toán tài chính <i>Financial Accounting</i>	3	27	15	3	BSA2001

61	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resources Management</i>	3	30	15		BSA2004
62	BSA3007	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	35	8	2	BSA2001
V.3		Thực tập thực tế và niên luận	8				
63	FIB4052	Thực tập thực tế <i>Internship1</i>	2				
64	FIB4053	Thực tập thực tế 2*** <i>Internship 2</i>	2				
65	INE4050	Niên luận** <i>Essay</i>	4				
V.4		Khóa luận tốt nghiệp	7				
66	FIB4051	Khóa luận tốt nghiệp** <i>Thesis</i>	7				
		Cộng	150				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thu xếp khi kiểm tra chung sẽ tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

(*): Cùng tên học phần, cùng số tín chỉ nhưng nội dung và chu kỳ học khác nhau để nâng cao số vị trí sinh viên trong chương trình đào tạo;

(**): Cùng tên học phần nhưng tổng số tín chỉ, nội dung và chu kỳ học khác nhau để nâng cao số vị trí sinh viên trong chương trình đào tạo;

(***): Học phần mới và nội dung nâng cao hơn một chu kỳ học cao hơn số vị trí sinh viên trong chương trình đào tạo;

Các học phần cần nghiên cứu: Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.